

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2021/HSST

Ngày: 22 - 9 - 2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Phạm Thị Minh Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Thế Long – Bà Nguyễn Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hưng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 305/2021/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1979 tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKNKTT: Khối 2, phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Viết Hoài và bà Nguyễn Thị Hoa; Chồng: Nguyễn Đình C, sinh năm 1970; Con: có 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 24/5/2021 được trả tự do. Hiện đang áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Võ Thị Như Q, sinh năm 1983; Trú tại: Xóm Xuân Bình 13, xã Nghi Đức, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 3/2018, do cần tiền kinh doanh nên chị Võ Thị Như Q (sinh năm 1983, trú tại xóm Xuân Bình 13, xã Nghi Đức, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) đến nơi ở của Nguyễn Thị Bích T tại phòng 1011 C cư Arita thuộc khối 2, phường B, thành phố Vinh vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu

đồng). T yêu cầu chị Q trả tiền lãi suất hàng tháng với lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày (tương đương lãi suất 144%/năm), chị Q đồng ý. Ngày 26/3/2018, T chuyển khoản cho chị Q vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); ngày 06/4/2018, T chuyển khoản cho chị Q vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Ngày 26/4/2018, T yêu cầu chị Q viết một tờ giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của chị Q và chồng chị Q là anh Nguyễn Anh Tài đưa cho Thủy cất giữ để làm tin.

Với khoản vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2020, chị Q trả tiền lãi suất hàng tháng cho T bằng hình thức chuyển khoản và trả tiền mặt. Chị Q sử dụng số tài khoản 0101001069984 ngân hàng Vietcombank mang tên Võ Thị Như Q trả tiền lãi suất hàng tháng cho Thủy qua số tài khoản 0101000327067 ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Thị Bích T. Cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), tiền lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày, mỗi tháng chị Q phải trả số tiền lãi suất là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng): Tháng 4/2018, chuyển khoản 5.000.000 đồng, trả tiền mặt 1.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 5/2018, trả tiền mặt 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 6/2018, trả tiền mặt 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 7/2018, chuyển khoản 3.000.000 đồng, trả tiền mặt 3.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 8/2018, chuyển khoản 3.000.000 đồng, trả tiền mặt 3.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 9/2018, chuyển khoản 2 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 10/2018, chuyển khoản 2 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 11/2018, chuyển khoản 2 lần, lần 1 trả 3.000.000 đồng, lần 2 trả 3.400.000 đồng, tổng cộng 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), còn thừa số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để trả tiền lãi suất tháng 12/2018; tháng 12/2018, trả tiền mặt 5.600.000 đồng, cộng với số tiền 400.000 đồng chuyển khoản thừa tháng 11/2018, tổng cộng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 01/2019, chuyển khoản 3.200.000 đồng, trả tiền mặt 2.800.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 02/2019, chuyển khoản 3.000.000 đồng, trả tiền mặt 3.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 3/2019, chuyển khoản 3.000.000 đồng, trả tiền mặt 3.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); tháng 4/2019, chuyển khoản 3.200.000 đồng, trả tiền mặt 1.100.000 đồng, tổng cộng là 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng), còn thiếu 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi suất tháng 4/2019; tháng 5/2019, chuyển khoản 3 lần, lần 1 trả 2.000.000

đồng, lần 2 trả 2.500.000 đồng, lần 3 trả 13.200.000 đồng, tổng cộng là 17.700.000 đồng (mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Trong đó, trả tiền lãi suất còn thiếu của tháng 4/2019 là 1.700.000 đồng, trả tiền lãi suất tháng 5/2019 là 6.000.000 đồng, còn lại trả tiền gốc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Như vậy, đối với khoản vay 50.000.000 đồng trong 14 tháng (từ tháng 04/2018 đến tháng 5/2019), Nguyễn Thị Bích T đã nhận của chị Võ Thị Như Q số tiền lãi suất 84.000.000 đồng (tám mươi tư triệu đồng). Theo quy định của Bộ luật Dân sự, tiền lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm nên Thủy chỉ được nhận số tiền lãi suất là:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 14 \text{ tháng} / 12 \text{ tháng} = 11.666.667 \text{ đồng}$  (mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Thủy đã thu lợi bất chính số tiền là: 84.000.000 đồng - 11.666.667 đồng = 72.333.333 đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Từ tháng 6/2019, khoản vay còn lại 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), với lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày, mỗi tháng chị Q phải trả số tiền lãi suất là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng): Tháng 6/2019, chuyển khoản 2.500.000 đồng, ngày 01/7/2019 chuyển khoản 2.300.000 đồng, tổng cộng là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Ngày 02/7/2019, chuyển khoản trả 10.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, đối với khoản vay 40.000.000 đồng trong 01 tháng (tháng 6/2019), Nguyễn Thị Bích T đã nhận của chị Võ Thị Như Q số tiền lãi suất 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Theo quy định của Bộ luật Dân sự, lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm nên Thủy chỉ được nhận số tiền lãi suất là:  $40.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / 12 = 666.667 \text{ đồng}$  (sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Thủy đã thu lợi bất chính số tiền là: 4.800.000 đồng - 666.667 đồng = 4.133.333 đồng (bốn triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

- Từ tháng 7/2019, khoản vay còn lại 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), với lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày, mỗi tháng chị Q phải trả số tiền lãi suất là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng): Ngày 15/7/2019, chuyển khoản 2.250.000 đồng, ngày 31/7/2019 chuyển khoản 2.300.000 đồng, tổng cộng là 4.550.000 đồng, trong đó trả tiền lãi suất 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), còn 950.000 đồng để trả tiền lãi suất tháng 8/2019; tháng 8/2019, chuyển khoản 2.400.000 đồng, trả tiền mặt 250.000 đồng, cộng với số tiền 950.000 đồng chuyển khoản thừa tháng 7/2019, tổng cộng là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng); tháng 9/2019, chuyển khoản 2 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng, trong đó trả tiền lãi suất 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), còn lại 2.400.000 đồng để trả tiền lãi suất tháng 12/2019; tháng 10/2019, chuyển khoản 3.600.000 đồng (ba

triệu sáu trăm nghìn đồng); tháng 11/2019, chuyển khoản 2 lần, mỗi lần 1.800.000 đồng, tổng cộng 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng); tháng 12/2019, trả tiền mặt 1.200.000 đồng, cộng với số tiền 2.400.000 đồng đã chuyển khoản thừa tháng 9/2019, tổng cộng là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng); tháng 01/2020, chuyển khoản 2 lần, lần 1 trả 1.600.000 đồng, lần 2 trả 1.800.000 đồng và trả tiền mặt 200.000 đồng, tổng cộng là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng); tháng 02/2020, chuyển khoản 1.800.000 đồng, trả tiền mặt 1.800.000 đồng, tổng cộng là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tháng 3,4,5/2020, chị Q không trả tiền lãi suất cho Thủy. Tháng 6/2020, chị Q chuyển khoản cho Thủy 7.200.000 đồng để trả tiền lãi suất tháng 3,4/2020. Từ tháng 7/2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covis 19, chị Q không có khả năng trả nợ cho T. Như vậy, đối với khoản vay 30.000.000 đồng trong 10 tháng (từ tháng 7/2019 đến tháng 4/2020), Nguyễn Thị Bích T đã nhận của chị Võ Thị Như Q số tiền lãi suất 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng). Theo quy định của Bộ luật Dân sự, lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm nên Thủy chỉ được nhận số tiền lãi suất là:  $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 10/12 = 5.000.000 \text{ đồng}$ . Thủy đã thu lợi bất chính số tiền là:  $36.000.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng} = 31.000.000 \text{ đồng}$  (ba mươi một triệu đồng).

Như vậy, từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2020, Nguyễn Thị Bích T đã cho chị Võ Thị Như Q vay số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) với lãi suất 144%/năm (cao gấp 7,2 lần so với lãi suất cao nhất được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự). Thủy đã nhận của chị Q số tiền 144.800.000 đồng (trong đó, số tiền lãi suất là 124.800.000 đồng, số tiền gốc là 20.000.000 đồng). Theo quy định của Bộ luật Dân sự, tiền lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm nên Thủy chỉ được nhận số tiền lãi suất là  $11.666.667 \text{ đồng} + 666.667 \text{ đồng} + 5.000.000 \text{ đồng} = 17.333.334 \text{ đồng}$  (mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng). Nguyễn Thị Bích T đã thu lợi bất chính số tiền là:  $124.800.000 \text{ đồng} - 17.333.334 \text{ đồng} = 107.466.666 \text{ đồng}$  (một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngày 15/5/2021, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và biết Cơ quan Công an đang điều tra nên Thủy đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh đầu thú

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Bích Thủy đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản Cáo Trạng số 336/CT-VKS-TPV ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã truy tố Nguyễn Thị Bích Thủy về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giữ quyền công tố tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Bích Thủy từ 200.000.000 đồng đến 210.000.000 đồng. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu sung quỹ nhà nước tại bị cáo Nguyễn Thị Bích Thủy số tiền gốc cho vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội và 17.333.334 đồng (mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng) là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm;

Truy thu sung quỹ nhà nước tại chị Võ Thị Như Q số tiền gốc mà bị cáo cho vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích Thủy phải trả lại cho chị Võ Thị Như Q số tiền 107.466.666 đồng (Một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính từ người vay.

Tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max màu xám.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết và không tranh luận gì mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Bích Thủy đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 3/2018, tại phòng 1011 C cư Arita thuộc khối 2, phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, bị cáo Nguyễn Thị Bích T đã cho chị Võ Thị Như Q vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), với lãi suất thỏa thuận 144%/năm. Từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2020, Nguyễn Thị Bích T thu lợi bất chính số tiền 107.466.666 đồng (một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản, mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vì hám lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi cho người khác vay để hưởng số tiền lãi vượt quá lãi suất mà pháp luật quy định.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1,2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích ở trên nghĩ cần xử bị cáo mức hình phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cũng đủ nghiêm và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[2.3]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lao động tự do thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[2.4] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là khoản tiền bị cáo sử dụng cho vay là phương tiện phạm tội. Trong đó chị Q đã trả cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền vay gốc nên cần truy thu tại bị cáo để sung quỹ Nhà nước; Đối với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền vay gốc còn lại chị Q chưa trả được cho bị cáo nên cần truy thu tại chị Q để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền lãi suất 124.800.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng) chị Q đã trả cho bị cáo. Trong đó xác định được 17.333.334 đồng (mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng) là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền thu lợi bất chính phát sinh từ tội phạm cần truy thu tại bị cáo để sung quỹ Nhà nước; Đối với số tiền 107.466.666 đồng (một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) là khoản tiền lãi trên mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho chị Võ Thị Như Q.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max màu xám thu giữ của bị cáo được xác định là công cụ phạm tội cần tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước.

[2.5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích Thủy phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ vào khoản 2 điều 201; điểm i,s khoản 1,2 điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Bích Thủy 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu sung vào Ngân sách nhà nước tại bị cáo Nguyễn Thị Bích Thủy số tiền gốc cho vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và 17.333.334 đồng (mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng) là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm;

Truy thu sung vào Ngân sách nhà nước tại chị Võ Thị Như Q số tiền gốc mà bị cáo cho vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích Thủy phải trả lại cho chị Võ Thị Như Q số tiền 107.466.666 đồng (Một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) là khoản tiền lãi trên mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo thu lợi bất chính từ người vay.

Tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max màu xám hiện có tại kho chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vinh theo phiếu nhập kho số NK 2021/364 ngày 21/9/2021.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyễn Thị Bích Thủy phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố Vinh
- Chi cục THADS thành phố Vinh
- Công an thành phố Vinh
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nghệ An
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An
- Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Minh Hiền**





